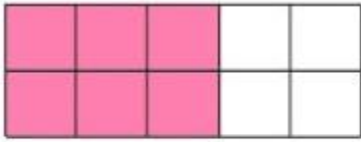


HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

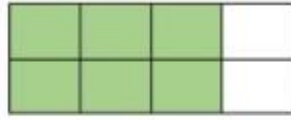
ĐỀ 1

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hình đã tô màu $\frac{3}{4}$ số phần là:



A



B



C



D

Phương pháp

Phân số chỉ số phần đã tô màu có tử số là số phần được tô màu và mẫu số là tổng số phần bằng nhau.

Lời giải

Hình đã tô màu $\frac{3}{4}$ số phần là hình B.

Chọn B

Câu 2. Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{4}{5}$ là:

A. $\frac{12}{20}$

B. $\frac{16}{15}$

C. $\frac{16}{20}$

D. $\frac{12}{16}$

Phương pháp

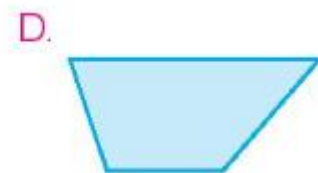
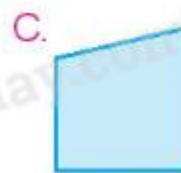
Áp dụng tính chất cơ bản của phân số: Nếu nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số đã cho.

Lời giải

$$\text{Ta có } \frac{4}{5} = \frac{4 \times 4}{5 \times 4} = \frac{16}{20}$$

Chọn C

Câu 3. Trong các hình dưới đây, hình bình hành là:

**Phương pháp**

Hình bình hành có 2 cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

Lời giải

Hình B là hình bình hành.

Chọn B

Câu 4. Phân số thích hợp điền vào chỗ trống là $\frac{7 \times 5 \times 11 \times 3}{11 \times 5 \times 9 \times 7} = \frac{\dots}{\dots}$ là:

- A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{7}{11}$ C. $\frac{5}{7}$ D. $\frac{1}{3}$

Phương pháp

Chia nhẩm tích ở tử số và mẫu số cho các thừa số chung.

Lời giải

$$\frac{7 \times 5 \times 11 \times 3}{11 \times 5 \times 9 \times 7} = \frac{3}{9} = \frac{1}{3}$$

Chọn D

Câu 5. Các phân số $\frac{2}{3}$; $\frac{5}{6}$; $\frac{4}{2}$ được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. $\frac{2}{3}; \frac{5}{6}; \frac{4}{2}$ B. $\frac{5}{6}; \frac{2}{3}; \frac{4}{2}$ C. $\frac{4}{2}; \frac{5}{6}; \frac{2}{3}$ D. $\frac{2}{3}; \frac{4}{2}; \frac{5}{6}$

Phương pháp

Quy đồng mẫu số rồi so sánh các phân số

Lời giải

Ta có $\frac{2}{3} = \frac{4}{6} < \frac{5}{6} < 1$ và $\frac{4}{2} > 1$

Vậy các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là: $\frac{4}{2}; \frac{5}{6}; \frac{2}{3}$

Chọn C

Câu 6. Nửa chu vi của một hình chữ nhật là 20 dm. Nếu giảm chiều dài đi 4 dm thì được chiều rộng. Vậy diện tích hình chữ nhật đó là:

- A. 160 dm² B. 80 dm² C. 86 dm² D. 96 dm²

Phương pháp

Chiều dài = (tổng + hiệu) : 2

Chiều rộng = nửa chu vi – chiều dài

Diện tích = chiều dài x chiều rộng

Lời giải

Chiều dài của hình chữ nhật là: $(20 + 4) : 2 = 12$ (dm)

Chiều rộng là: $12 - 4 = 8$ (dm)

Diện tích hình chữ nhật đó là: $12 \times 8 = 96$ (dm²)

Chọn D

Câu 7. Một lớp học có 18 học sinh nữ và 12 học sinh nam. Hỏi số học sinh nam chiếm bao nhiêu phần số học sinh cả lớp?

- A. $\frac{2}{5}$ B. $\frac{2}{3}$ C. $\frac{3}{5}$ D. $\frac{3}{2}$

Phương pháp

- Tìm số học sinh cả lớp
- Tìm tỉ số giữa số học sinh nam và số học sinh cả lớp

Lời giải

Số học sinh cả lớp là $18 + 12 = 30$ (học sinh)

Số học sinh nam chiếm $12 : 30 = \frac{2}{5}$ (số học sinh cả lớp)

Chọn C

Câu 8. Trong một bài kiểm tra môn Tiếng Anh, Mai làm bài hết $\frac{2}{3}$ giờ, Lan làm hết $\frac{3}{5}$ giờ, Minh làm bài hết $\frac{11}{15}$ giờ. Hỏi bạn nào làm nhanh nhất?

- A. Mai B. Lan C. Minh D. Không xác định được

Phương pháp

Quy đồng mẫu số các phân số rồi so sánh thời gian làm bài của 3 bạn

Lời giải

Ta có $\frac{2}{3} = \frac{10}{15}$; $\frac{3}{5} = \frac{9}{15}$ nên $\frac{3}{5} < \frac{2}{3} < \frac{11}{15}$

Vậy Lan làm bài nhanh nhất.

Chọn B

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính:

$$\frac{7}{26} + \frac{9}{26} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{27}{30} - \frac{18}{30} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{3}{4} + \frac{5}{16} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{25}{38} - \frac{17}{38} = \dots\dots\dots$$

Phương pháp

Muốn cộng hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số, rồi cộng hai phân số đó.

Muốn trừ hai phân số có cùng mẫu số, ta lấy tử số của phân số thứ nhất trừ đi tử số của phân số thứ hai và giữ nguyên mẫu số.

Lời giải

$$\frac{7}{26} + \frac{9}{26} = \frac{16}{26} = \frac{8}{13}$$

$$\frac{27}{30} - \frac{18}{30} = \frac{9}{30} = \frac{3}{10}$$

$$\frac{3}{4} + \frac{5}{16} = \frac{12}{16} + \frac{5}{16} = \frac{17}{16}$$

$$\frac{25}{38} - \frac{17}{38} = \frac{8}{38} = \frac{4}{19}$$

Câu 2. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm.

$$\frac{13}{12} \dots\dots 1$$

$$\frac{10}{18} \dots\dots \frac{13}{18}$$

$$\frac{31}{45} \dots\dots \frac{7}{9}$$

$$\frac{5}{8} \dots\dots \frac{19}{32}$$

Phương pháp

Trong hai phân số có cùng mẫu số, phân số nào có tử số bé hơn thì phân số đó bé hơn

Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số, ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi so sánh các tử số của hai phân số mới.

Lời giải

$$\frac{13}{12} > 1$$

$$\frac{10}{18} < \frac{13}{18}$$

$$\frac{31}{45} < \frac{7}{9}$$

$$\frac{5}{8} > \frac{19}{32}$$

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống

a) $6\ 528\ \text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 \dots\dots\dots \text{dm}^2$

b) $17\ \text{cm}^2\ 4\ \text{mm}^2 = \dots\dots\dots \text{mm}^2$

c) $80\ 015\ \text{mm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2 \dots\dots\dots \text{mm}^2$

d) $5\ \text{m}^2\ 29\ \text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$$1\ \text{m}^2 = 100\ \text{dm}^2 = 10\ 000\ \text{cm}^2 ; 1\ \text{cm}^2 = 100\ \text{mm}^2$$

$$1\ \text{dm}^2 = 10\ 000\ \text{mm}^2$$

Lời giải

a) $6\ 528\ \text{dm}^2 = \mathbf{65\ m^2\ 28\ dm^2}$

b) $17\ \text{cm}^2\ 4\ \text{mm}^2 = \mathbf{1\ 704\ mm^2}$

c) $80\ 015\ \text{mm}^2 = \mathbf{8\ dm^2\ 15\ mm^2}$

d) $5\ \text{m}^2\ 29\ \text{cm}^2 = \mathbf{50\ 029\ cm^2}$

Câu 4. Một sân chơi có chiều dài 12 m và chiều rộng 7 m. Bác Minh dự định lát nền sân chơi đó bằng những viên gạch hình vuông cạnh 4 dm. Hỏi bác Minh cần chuẩn bị bao nhiêu viên gạch để lát kín nền sân chơi đó.

Phương pháp

- Tìm diện tích sân chơi = Chiều dài x chiều rộng
- Đổi số đo diện tích sang đơn vị dm^2
- Diện tích viên gạch = Cạnh x cạnh
- Số viên gạch cần chuẩn bị = Diện tích sân chơi : diện tích viên gạch

Lời giải

Diện tích sân chơi là:

$$12 \times 7 = 84 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đổi: } 84\text{m}^2 = 8\,400 \text{ dm}^2$$

Diện tích mỗi viên gạch là:

$$4 \times 4 = 16 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Bác Minh cần chuẩn bị số viên gạch để lát kín nền căn phòng là:

$$8\,400 : 16 = 525 \text{ (viên gạch)}$$

Đáp số: 525 viên gạch